

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TD  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28 - 7 - 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Kiều Thị Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Ánh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Khu 15, thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

**2. Bị đơn:** Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 15, thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị kết hôn với anh Vũ Tiến D ngày 15/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh D. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 10/2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng mỗi người ngủ một phòng, không quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thu nhập của ai

người đó tự quản lý. Tháng 3/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã có biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Tiến D.

*Bị đơn, anh Vũ Tiến D trình bày:* Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 15/10/2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị N về sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường; tháng 8/2019 chị N sinh cháu Vũ Kiều A, kể từ đó vợ chồng ít khi gần gũi nhau và khoảng hai năm nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, khoảng một năm nay thì vợ chồng không ngủ chung phòng. Nguyên nhân của việc trên là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con và sinh hoạt hàng ngày. Tháng 3/2022 chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh có đưa ra nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng chị N không đồng ý nên tình cảm vợ chồng không cải thiện. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung, chị N và anh D đều trình bày: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Kiều A, sinh ngày 29/8/2019. Sau khi chị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, chị N và anh D thỏa thuận cháu A sẽ ở với chị N và anh D lần lượt mỗi người một tuần; hiện nay cháu A đang ở với chị N. Ly hôn, chị N và anh D đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Tiến D. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Vũ Kiều A, sinh ngày 29/8/2019 cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Vũ Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí, chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Vũ Tiến D có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện TD thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh D là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày; chị N, anh D tuy sống chung một nhà nhưng ly thân mỗi người một phòng trong khoảng thời gian dài, hai bên thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tháng 3/2022 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống. Quá trình sống ly thân anh chị đã có biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh D. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D có nhiều mâu thuẫn, từ tháng 3/2022 cho đến nay chị N và anh D đã không chung sống cùng nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị N và anh D; tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh D đều đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh D.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Vũ Kiều A, sinh ngày 29/8/2019; hiện nay cháu A đang ở với chị N. Ly hôn, chị N và anh D đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị N và anh D là chính đáng, chị N và anh D hiện đang làm việc tại Công ty TNHH MTV Co.opmart Vĩnh Phúc, có thu nhập ổn định và đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*”. Cháu A hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ, do vậy để đảm bảo lợi ích của cháu A theo quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A là phù hợp. Do chị N không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Tiến D tự nguyện ly hôn nên theo hướng dẫn tại Công văn 02/TANDTC - PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử, thì các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Tại phiên tòa chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Tiến D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Kiều A, sinh ngày 29/8/2019, anh Vũ Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002991 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị N được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự.
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Thu Hạnh**

